|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**  Số: 839 /QĐ-ĐHTM | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Đề án áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo ngành**

**Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học hệ chính quy**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Công văn số 5444/BGDĐT-GDĐH ngày 16/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trình độ đại học;

Căn cứ vào Quyết định số 555/QĐ-ĐHTM, ngày 16/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào tờ trình ngày 19/7/2018 của Tiểu ban xây dựng Đề án áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực CNTT;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Quản lý Khoa học,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành Đề án áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Thương mại *(có Đề án kèm theo).*

**Điều 2**. Quyết định này được áp dụng từ khóa 54 tuyển sinh năm 2018.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Quản lý khoa học, Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Trưởng khoa Hệ thống thông tin kinh tế & Thương mại điện tử thực hiện quyết định này.

**HIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận***

*- Như điều 3 (để thực hiện),* **(Đã ký)**

*- Lưu trữ Trường,*

*- P.QLKH, P.QLĐT*

**GS.TS. Đinh Văn Sơn**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ ÁN ÁP DỤNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ NGÀNH**

**HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG**

**1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường**

Trường Đại học Thương mại (tên tiếng Anh: Thuongmai University, tên giao dịch quốc tế viết tắt: TMU) là trường đại học công lập trực thuộc hệ thống giáo dục quốc dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường Đại học Thương mại là trường đại học chất lượng cao đa ngành, đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, hoạt động theo cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục đại học của các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo.

**Tầm nhìn và Sứ mạng của Trường**: Xây dựng và phát triển Trường Đại học Thương mại trở thành trường đại học đa ngành có uy tín trong khu vực và trên thế giới; một trung tâm giáo dục có chất lượng và không ngừng được cải tiến với phương pháp đào tạo tiên tiến, liên tục được đổi mới và hoàn thiện; một trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ đào tạo chất lượng cao về kinh tế, kinh doanh và quản lý trong các lĩnh vực thương mại, du lịch, dịch vụ; một trung tâm văn hoá nhằm cung cấp cho xã hội những cán bộ có trình độ đại học, sau đại học đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hoá và năng lực nghề nghiệp có khả năng thích ứng với điều kiện môi trường đang thay đổi và đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước.

Trường Đại học Thương mại có cơ sở chính tại *số 79 đường Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và Cơ sở Hà Nam, tại Đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với tổng diện tích 83.700m2.*

Địa chỉ Cổng thông tin điện tử của Trường: [www.tmu.edu.vn](http://www.tmu.edu.vn).

**1.2. Quy mô đào tạo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm ngành** | **Quy mô hiện tại** | | | |
| **Đại học** | | **Cao đẳng sư phạm** | |
| GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học viên cao học, số SV đại học, cao đẳng) | GDTX GDTX (ghi rõ số SV ĐH, CĐ) | Giáo dục chính quy | GDTX |
| Nhóm ngành I |  |  |  |  |
| Nhóm ngành II |  |  |  |  |
| Nhóm ngành III | 357 NCS; 1466 CH; 12743 ĐH | 1769 ĐH |  |  |
| Nhóm ngành IV |  |  |  |  |
| Nhóm ngành V |  |  |  |  |
| Nhóm ngành VI |  |  |  |  |
| Nhóm ngành VII | 2498 ĐH | 42 ĐH |  |  |
| **Tổng** | 351 NCS; 1466 CH; 15241 ĐH | 1811 ĐH |  |  |

**2. NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

**2.1. Mục tiêu đào tạo**

***2.1.1. Mục tiêu chung***

Đào tạo cử nhân Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về hệ thống thông tin quản lý; có khả năng tham gia các khâu trong quy trình phát triển phần mềm (thu thập yêu cầu, phân tích, thiết kế, lập trình, kiểm thử, bảo trì phần mềm); có khả năng xử lý, tổ chức lưu trữ dữ liệu, khai thác thông tin phục vụ cho dự báo và ra quyết định kinh doanh của doanh nghiệp; lựa chọn phương án xây dựng và phát triển hệ thống thông tin của doanh nghiệp; có khả năng chuyển giao, huấn luyện sử dụng các phần mềm thông dụng trong quản lý và kinh doanh; lựa chọn phương án nhằm đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống thông tin của doanh nghiệp; quản trị website, quản trị cơ sở dữ liệu; quản trị dự án phát triển hệ thống thông tin; quản trị hệ thống thông tin của doanh nghiệp.

***2.1.2. Mục tiêu cụ thể***

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về Quản trị hệ thống thông tin bao gồm:

Kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với ngành Hệ thống thông tin quản lý

Kiến thức nền tảng đủ rộng về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh để vận dụng trong Quản trị Hệ thống thông tin;

Kiến thức căn bản, cập nhật về xây dựng và phát triển Hệ thống thông tin quản lý;

Kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Quản trị hệ thống thông tin như: Các công nghệ lập trình, Phát triển ứng dụng, các phần mềm ứng dụng, triển khai hệ thống, Phát triển hệ thống thông tin, Quản trị cơ sở dữ liệu, An toàn và bảo mật thông tin, Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp;

Kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành, chuyên ngành đào tạo khác của Trường Đại học Thương mại và các Trường Đại học thuộc khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh khác.

- Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về Quản trị hệ thống thông tin: lập phương án tổ chức, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin cho doanh nghiệp; lập trình, kiểm thử, bảo trì phần mềm; quản trị cơ sở dữ liệu phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp; quản trị hệ thống thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp; Sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp để trao đổi thông tin trong công việc và với khách hàng; Sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng và một số phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**2.2. Chuẩn đầu ra của ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo**

***2.2.1. Tên chuyên ngành đào tạo***

Tiếng Việt: **Quản trị hệ thống thông tin**

Tiếng Anh: **Management Information Systems**

***2.2.2. Trình độ đào tạo:*** Đại học

***2.2.3. Yêu cầu về kiến thức***

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý, chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin đảm bảo đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nắm vững những nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội của ngành và chuyên ngành đào tạo ở trình độ đại học; tập trung nâng cao trình độ Tiếng Anh đạt chuẩn theo quy định của Nhà trường, kiến thức tin học đại cương và ứng dụng trong quản trị hệ thống thông tin;

- Có kiến thức nền tảng đủ rộng về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, kiến thức ngành bao gồm: Kinh tế thương mại 1, Văn hóa kinh doanh, Quản trị học, Kinh tế học, Kinh tế lượng, Hệ thống thông tin quản lý, Cơ sở toán học cho tin học, Cơ sở lập trình, Lập trình hướng đối tượng, Thương mại điện tử căn bản, Mạng máy tính và truyền thông, Thiết kế và triển khai website, Truyền thông kinh doanh;

- Đảm bảo kiến thức căn bản, cập nhật và phát triển về Hệ thống thông tin quản lý bao gồm: Khai phá dữ liệu trong kinh doanh, Kiểm thử phần mềm, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Quản trị cơ sở dữ liệu, Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp.

- Nắm vững kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về Quản trị hệ thống thông tin bao gồm: Phát triển hệ thống thông tin kinh tế, Thực hành Phát triển ứng dụng với C#, Thực hành Phát triển ứng dụng với Java, Thực hành Phát triển ứng dụng web với ASP.NET, Thực hành Quản trị cơ sở dữ liệu, An toàn và bảo mật thông tin, Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp.

- Có kiến thức bổ trợ nhằm mở rộng kiến thức kinh doanh và quản lý, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển sang các ngành đào tạo gần khác và hệ đào tạo cao học, bao gồm kiến thức về kế toán, tài chính - tiền tệ.

***2.2.4. Yêu cầu về kỹ năng***

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành Hệ thống thông tin quản lý và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin, bao gồm:

* Kỹ năng lập phương án tổ chức, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin cho doanh nghiệp;
* Kỹ năng lập trình, kiểm thử, bảo trì phần mềm;
* Kỹ năng tổ chức lưu trữ, xử lý, quản trị dữ liệu, khai thác thông tin phục vụ cho dự báo và ra quyết định kinh doanh của doanh nghiệp;
* Kỹ năng lựa chọn phương án xây dựng và quản lý mạng máy tính, thiết kế website cho doanh nghiệp;
* Kỹ năng chuyển giao, huấn luyện sử dụng các phần mềm thông dụng trong quản lý và kinh doanh;
* Kỹ năng lựa chọn phương án đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp.
* Kỹ năng quản trị hệ thống thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp.
* Kỹ năng làm việc theo nhóm (Team Work), phát hiện, làm báo cáo nghiên cứu và trình diễn vấn đề;
* Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh theo quy định của Nhà trường. Sinh viên có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp để trao đổi thông tin trong công việc và với khách hàng.

***2.2.5. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ Quản trị hệ thống thông tin; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

***2.2.6. Yêu cầu về thái độ***

* Năng lực thể hiện hành vi và ra quyết định trên cơ sở cân nhắc các yếu tố đạo đức, phù hợp với các yêu cầu của pháp luật, chuẩn mực chung của xã hội và lợi ích quốc gia.
* Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng: Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Cụ thể sinh viên phải đạt mức điểm rèn luyện từ 50 điểm trở lên.
* Có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.

***2.2.7. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp***

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Hệ thống thông tin quản lý, chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin của Trường Đại học Thương mại có thể làm việc tại các bộ phận sau:

\* *Làm việc phù hợp và tốt ở các vị trí sau của doanh nghiệp:*

- Phân tích viên hệ thống;

- Phân tích viên nghiệp vụ;

- Đảm bảo chất lượng phần mềm;

- Lập trình viên;

- Phân tích, thiết kế hệ thống thông tin;

- Kiểm thử, triển khai, bảo trì hệ thống;

- Quản trị cơ sở dữ liệu; Quản trị website của doanh nghiệp;

- Quản trị dự án phát triển hệ thống thông tin;

- Quản trị hệ thống thông tin của doanh nghiệp;

- Truyền thông kinh doanh trực tuyến;

- Tư vấn triển khai dự án công nghệ thông tin.

*\* Các loại hình tổ chức và doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp:*

- Các bộ phận của Doanh nghiệp sản xuất phần mềm;

- Bộ phận quản trị thông tin, hệ thống thông tin; bộ phận marketing điện tử của các doanh nghiệp thương mại điện tử;

- Làm việc chính ở các phòng quản lý công nghệ thông tin và thương mại điện tử của các Sở Công Thương hoặc Uỷ ban nhân dân quận, huyện; các bộ phận chức năng của Cục thương mại điện tử và công nghệ thông tin, Bộ Công Thương, Cục hoặc Trung tâm thông tin của các Bộ, ngành;

- Các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy Công nghệ thông tin, hệ thống thông tin kinh tế và quản lý tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp thuộc khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

***2.2.8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường***

Với nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý, chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin có thể tự nghiên cứu, học tập bổ sung các kiến thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác. Ngoài ra sinh viên có khả năng tiếp tục theo học chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Quản lý kinh tế trong và ngoài nước.

***2.2.9. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương trình – Trường** | **Địa chỉ website tham chiếu** |
| 1 | Information Systems and Management - University of London | <http://www.bbk.ac.uk/study/2015/undergraduate/programmes/UBSIYMNG_C/> |
| 2 | Management Information Systems - Washington State University | <https://online.wsu.edu/undergrad/informationSystems.aspx> |
| 3 | Management Information Systems - Terry College of Business, University of Georgia | <http://www.terry.uga.edu/courses/MIST/?term=now> |
| 4 | Business Information Systems - Swinburn university | <http://www.swinburne.edu.au/study/course/international/bachelor-of-business-information-systems/> |
| 5 | Business Information Systems - University of Westminster | <https://www.westminster.ac.uk/__data/assets/pdf_file/0005/175532/ECS-BSc-Hons-Business-Information-Systems-201213v1.pdf> |
| 6 | Information Systems Management - New york university | <http://www.scps.nyu.edu/academics/departments/mcghee/undergraduate/bs-information-systems-management/core-major-curriculum.html#Critical_Thinking> |
| 7 | Information Systems - Carnegie Mellon University | <http://coursecatalog.web.cmu.edu/dietrichcollegeofhumanitiesandsocialsciences/informationsystems/> |
| 8 | Management Information Systems - Arizona University | <http://ugrad.eller.arizona.edu/academics/majors/mis/4yearplan.asp> |
| 9 | Information Systems Management - Colorado techinical university | <http://www.coloradotech.edu/degrees/bachelors/information-systems-management> |

**2.3. Chương trình đào tạo**

**2.3.1. Khung chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối kiến thức / học phần** | **Số TC** | **Học tại trường** | **Thực hành tai DN** |
| **1.** | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯ­ƠNG** | **34** |  |  |
| *1.1.* | *Các học phần bắt buộc* | *30* |  |  |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 | 2 | 2 |  |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 | 3 | 3 |  |
| 3 | Tư­ tư­ởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 |  |
| 4 | Đ­ường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 | 3 |  |
| 5 | Pháp luật đại cư­ơng | 2 | 2 |  |
| 6 | Tiếng Anh 1 | 2 | 2 |  |
| 7 | Tiếng Anh 2 | 2 | 2 |  |
| 8 | Tiếng Anh 3 | 2 | 2 |  |
| 9 | Toán cao cấp 1 | 2 | 2 |  |
| 10 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 3 | 3 |  |
| 11 | Cơ sở lập trình | 3 | 3 |  |
| 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 2 |  |
| 13 | Thực tập nhận thức về nghề nghiệp | 2 |  | 2 |
| *1.2.* | *Các học phần tự chọn, chọn 4 TC trong các HP:* | *4* |  |  |
| 1 | Toán cao cấp 2 | 2 | 2 |  |
| 2 | Văn hóa kinh doanh | 2 | 2 |  |
| 3 | Kinh tế thương mại 1 | 2 | 2 |  |
| 4 | Đồ họa căn bản | 2 |  | 2 |
| *1.3.* | *Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng* | *11* |  |  |
| 1 | Giáo dục thể chất | 3 | 3 |  |
| 2 | Giáo dục quốc phòng | 8 | 8 |  |
| **2.** | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | **86** |  |  |
| *2.1.* | *Kiến thức cơ sở ngành* | *28* |  |  |
| *2.1.1.* | *Các học phần bắt buộc* | *20* |  |  |
| 1 | Kinh tế học | 3 | 3 |  |
| 2 | Thương mại điện tử căn bản | 3 | 3 |  |
| 3 | Nguyên lý kế toán | 3 | 3 |  |
| 4 | Nhập môn tài chính tiền tệ | 3 | 3 |  |
| 5 | Quản trị học | 3 | 3 |  |
| 6 | Lập trình hướng đối tượng | 3 | 3 |  |
| 7 | Tiếng Anh 4 | 2 | 2 |  |
| *2.1.2.* | *Các học phần tự chọn, chọn 8 TC trong các HP:* | *8* |  |  |
| 1 | Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet | 2 | 2 |  |
| 2 | Các phương pháp và mô hình phân tích, dự báo kinh tế, xã hội | 2 | 2 |  |
| 3 | Thực hành lập trình hướng đối tượng (Java) | 3 |  | 3 |
| 4 | Đồ họa ứng dụng | 3 |  | 3 |
| 5 | Tiếng Anh 5 | 2 | 2 |  |
| *2.2.* | *Kiến thức ngành, bao gồm cả chuyên ngành* | *48* |  |  |
| *2.2.1.* | *Các học phần bắt buộc* | *36* |  |  |
| 1 | Hệ thống thông tin quản lý | 3 | 3 |  |
| 2 | Mạng máy tính và truyền thông | 2 | 2 |  |
| 3 | Cơ sở dữ liệu | 2 | 2 |  |
| 4 | Cơ sở toán học cho tin học | 3 | 3 |  |
| 5 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin | 3 | 3 |  |
| 6 | Thiết kế và triển khai website | 3 |  | 3 |
| 7 | Quản trị cơ sở dữ liệu | 3 | 3 |  |
| 8 | Khai phá dữ liệu trong kinh doanh | 2 | 2 |  |
| 9 | Phát triển hệ thống thông tin kinh tế | 3 | 3 |  |
| 10 | Các phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp | 3 |  | 3 |
| 11 | Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp | 3 | 3 |  |
| 12 | An toàn và bảo mật thông tin | 3 | 3 |  |
| 13 | Kiểm thử phần mềm | 3 |  | 3 |
| *2.2.2.* | *Các học phần tự chọn, chọn 12 TC trong các HP:* | *12* |  |  |
| 1 | Thực hành phát triển ứng dụng với Java | 3 |  | 3 |
| 2 | Thực hành phát triển ứng dụng với C# | 3 |  | 3 |
| 3 | Thực hành thiết kế và triển khai website với PHP | 3 |  | 3 |
| 4 | Thực hành phát triển ứng dụng Web với ASP.NET | 3 |  | 3 |
| 5 | Thực hành quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp | 3 |  | 3 |
| 6 | Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu | 3 |  | 3 |
| 7 | Thực hành Phát triển HTTT kinh tế | 3 |  | 3 |
| 8 | Thực hành phân tích và thiết kế hệ thống thông tin | 3 |  | 3 |
| *2.3.* | *Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học* | *10* |  | *10* |
| **TỔNG CỘNG** | | **131** | **100** | **31** |

**2.3.2. Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Học kỳ** | **Khối kiến thức/học phần** | **Số TC** |
| 1 | I, II | Kiến thức giáo dục đại cương | **34** |
| 2 | III, IV | Kiến thức cơ sở ngành | **28** |
| 3 | V, VI | Kiến thức ngành (bao gồm cả chuyên ngành) | **30** |
| 4 | VII | Kiến thức ngành (bao gồm cả chuyên ngành) | **18** |
| VIII | Thực tập tổng hợp và làm khóa luận | **10** |
|  |  | **Tổng số** | **120** |

**2.4. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo:**

***2.4.1. Đội ngũ giảng viên***

Đội ngũ giảng viên có thể đảm nhiệm 100% khối lượng giảng dạy theo chương trình đào tạo của ngành. Số lượng giảng viên giảng dạy ngành Hệ thống thông tin quản lý là 30 giảng viên trong đó 100% có trình độ thạc sỹ trở lên, 03 giảng viên có trình độ tiến sỹ, trong đó có 1 PGS.

**Bảng 1 Danh sách giảng viên cơ hữu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Giảng viên** | **Học vị** | **Ngành, chuyên ngành** | **Ghi chú** |
| 1 | Đàm Gia Mạnh | PGS.TS | Công nghệ thông tin |  |
| 2 | Nguyễn Quang Trung | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 3 | Bùi Quang Trường | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 4 | Nguyễn Thị Hội | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 5 | Hàn Minh Phương | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 6 | Lê Việt Hà | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 7 | Đỗ Thị Thu Hiền | Ths | Hệ thống thông tin |  |
| 8 | Hoàng Ngọc Cảnh | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 9 | Trần Lê Kim Danh | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 10 | Vũ Quang Huy | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 11 | Nguyễn Thị Thu Thuỷ | TS | Công nghệ thông tin |  |
| 12 | Nguyễn Hưng Long | Ths | Tin học |  |
| 13 | Nguyễn Hằng Giang | Ths | Tin học |  |
| 14 | Cù Nguyên Giáp | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 15 | Đinh Thị Hà | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 16 | Nguyễn Thị Thùy Anh | TS | Công nghệ thông tin |  |
| 17 | Nghiêm Thị Lịch | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 18 | Nguyễn Thị Vân Trang | Ths | Hệ thống thông tin |  |
| 19 | Đỗ Mạnh Hà | Ths | Tin học |  |
| 20 | Vũ Minh Ngọc | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 21 | Lê Thị Thu | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 22 | Nguyễn Tiến Đạo | Ths | Hệ thống thông tin |  |
| 23 | Đặng Quốc Hữu | Ths | Công nghệ thông tin |  |
| 24 | Phan Lạc Khánh | Ths | Hệ thống thông tin |  |
| 25 | Hà Xuân Bình | Ths | Hệ thống thông tin |  |
| 26 | Nguyễn Trung Hải | Ths | Hệ thống thông tin |  |
| 27 | Vũ Mạnh Quyết | Ths | Hệ thống thông tin |  |
| 28 | Đoàn Mạnh Sơn | Ths | Hệ thống thông tin |  |
| 29 | Nguyễn Quyết | Ths | Hệ thống thông tin |  |
| 30 | Vũ Thuần | Ths | Hệ thống thông tin |  |

Bên cạnh nguồn lực giảng viên cơ hữu, trường còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là lãnh đạo các công ty tin học, các trưởng, phó phòng công nghệ thông tin từ các tập đoàn, các doanh nghiệp phần mềm, giảng viên hiện đang giảng dạy công nghệ thông tin ở các trường đại học có uy tín, các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao.

**Bảng 2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Học hàm, học vị** | **Nơi công tác** | **Chuyên môn** |
|  | Nguyễn Văn Vinh | Ths | FPT Software | Kiến trúc sư phần mềm |
|  | Mạc Văn Hải | KS | FPT Software | Kiến trúc sư giải pháp phần mềm |
|  | Vũ Văn Hoàng | KS | FPT Software | Công nghệ Java |
|  | Phạm Hải Bằng | KS | FPT Software | Lập trình mạng |
|  | Trần Hồng Thư | KS | FPT Software | Công nghệ .NET |
|  | Nguyễn Anh Tài | CN | FPT Software | Quản trị CSDL |
|  | Nguyễn Khắc Nhật | Ths | CodeGym | Quản lý dự án |
|  | Trần Thị Vân | Ths | CodeGym | Triển khai hệ thống |
|  | Nguyễn Thị Phương | Ths | CodeGym | Triển khai hệ thống |
|  | Dương Trọng Tấn | Ths | CodeGym | Kiến trúc sư giải pháp |
|  | Nguyễn Thị Oanh | CN | CodeGym | Thiết kế giải pháp |
|  | Đoàn Thị Dung | CN | CyberSoft | Công nghệ phần mềm |
|  | Bùi Hồng Hà | CN | CyberSoft | Các công nghệ lập trình |
|  | Vũ Văn Điển | KS | CyberSoft | Công nghệ phần mềm |
|  | Đỗ Danh Quân | KS | CyberSoft | Hệ thống thông tin |
|  | Phạm Thị Bích Ngọc | CN | CyberSoft | Kiểm thử phần mềm |
|  | Nguyễn Tài Cường | KS | CyberSoft | Triển khai hệ thống ERP |
|  | Lê Xuân Hà | KS | ITPlus | Thiết kế đồ họa |
|  | Lưu Thị Hiền | KS | ITPlus | Thiết kế đồ họa |
|  | Ngô Quang Vịnh | Ths | ITPlus | Lập trình ứng dụng Android |
|  | Bùi Văn Công | Ths | ITPlus | Lập trình ứng dụng iOS |
|  | Hoàng Duy Đông | Ths | ITPlus | Thiết kế đồ họa |
|  | Phan Đa Phúc | Ths | Công ty TNHH Cung Tên Việt | Tích hợp hệ thống |
|  | Đặng Thành Trung | TS | Công ty TNHH Công nghệ ezCloud Toàn Cầu | Các công nghệ lập trình |
|  | Nguyễn Hoàng Dương | CN | Công ty TNHH Công nghệ ezCloud Toàn Cầu | Các công nghệ lập trình |
|  | Phạm Văn Thuyết | KS | Công ty Sotatek | Tích hợp hệ thống |
|  | Trần Tiến Đức | KS | Viettel Cyber Space | Tích hợp hệ thống |
|  | Trần Thị Quỳnh Phương | KS | Bu1 Fsoft | Kiểm thử phần mềm (Leader) |
|  | Mai Thanh Việt | KS | Bu9 Fsoft | Phân tích hệ thống |
|  | Phạm Mạnh Tùng | KS | Trung tâm Fintech Viettel | Phân tích hệ thống |
|  | Phạm Tất Thành | Ths | Nhật Cường Software | Các công nghệ lập trình |
|  | Hà Khánh Toàn | Ths | FPT Software, BachKhoa Aptech | Các công nghệ lập trình |
|  | Nguyễn Văn Hiếu | Ths | Trung tâm CNTT, Agribank | Hệ thống thông tin |
|  | Hoàng Phương Thức | Ths | Trung tâm CNTT, Agribank | Hệ thống thông tin |
|  | Phạm Ngọc Hùng | PGS,TS | Trường ĐH Công nghệ, ĐHQG Hà Nội | Công nghệ phần mềm |
|  | Hoàng Đức Thọ | TS | Học viện kỹ thuật mật mã | An toàn thông tin |
|  | Lê Đức Cường | Ths | Học viện kỹ thuật mật mã | An toàn thông tin |
|  | Hà Mạnh Đào | TS | Đại học Công nghiệp Hà Nội | Các công nghệ lập trình |
|  | Nguyễn Thái Sơn | Ths | Đại học Công nghệ GTVT | Các công nghệ lập trình |
|  | Lê Chí Luận | TS | Đại học Công nghệ GTVT | Các công nghệ lập trình |

***2.4.2 Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa***

Đội ngũ giảng viên của Khoa có khả năng hiểu, khai thác, phát triển được chuyên sâu về các hệ thống thông tin, các hoạt động tác nghiệp liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin, hệ thống thông tin. Hoạt động KH&CN luôn được Khoa chú trọng phát triển theo định hướng của Nhà trường. Điều này thể hiện qua số lượng giáo trình đã xuất bản, số lượng đề tài NCKH các cấp, số lượng bài viết đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo trong và ngoài nước.

Tuy là Khoa mới được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai khoa Thương mại điện tử (thành lập năm 2005) và khoa Hệ thống thông tin kinh tế (thành lập năm 2008) nhưng các giảng viên trong khoa đã biên soạn được 15 giáo trình, thực hiện 9 đề tài NCKH cấp Bộ, 77 đề tài cấp cơ sở. Các đề tài được nghiệm thu được áp dụng trong thực tế trong lĩnh vực Hệ thống thông tin, Thương mại điện tử. Đã có 325 bài viết đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo trong và ngoài nước. Hàng năm Khoa đã kết nối với doanh nghiệp CNTT, TMĐT tổ chức Hội thảo, ngày hội việc làm cho sinh viên. Hội nghị thông tin khoa học cấp Khoa, cấp Bộ môn được tổ chức hai lần trong một năm học. Các hội nghị này tập trung chủ yếu đến cập nhật kiến thức mới nhằm nâng cao chất lượng dạy và học nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn cho người học.

***2.4.3. Cơ sở vật chất***

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý bao gồm:

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (tại Trường)

- Phòng máy, Hệ thống máy chủ, Phần mềm trang thiết bị phục vụ thực hành (tại Trường và doanh nghiệp)

- Thư viện, giáo trình, sách (tại Trường)

Trong đó:

*Hệ thống máy chủ: 09 chiếc (02 Server HP ML370, 03 Server HP ML570, 03 IBM X3650 M4, 01 IBM X3650 M1*

*Hệ thống phòng học, giảng đường tại Trường* với số lượng phòng sử dụng giảng dạy tối đa cho ngành Hệ thống thông tin quản lý là 20 phòng lý thuyết, 18 phòng máy tính (D302, 304, 306, 307, 308, 310, 311, 312,…) mỗi phòng 30 máy tính cấu hình cao và 20 phòng học ngoại ngữ và một số phòng thảo luận phục vụ cho sinh viên học tập. Các phòng học, giảng đường được trang bị nhiều trang thiết bị hiện đại hỗ trợ giảng dạy như projector, máy tính, máy casstte,… (xem bảng 3).

***Bảng 3 Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại phòng học** | **Số lượng phòng** | **Diện tích (m2)** | **Danh mục trang thiết bị chính**  **hỗ trợ giảng dạy** | | |
| **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Phục vụ học phần** |
| 1 | **Phòng lý thuyết** | 79 | 17.890 | * Projector * Cassette | - 79  - 29 | Các học phần  lý thuyết |
| Phòng học quy mô 100-150 chỗ ngồi | 35 | 8.750 | Projector | - 35 | Các học phần  lý thuyết |
| Phòng học quy mô 50-80 chỗ ngồi | 39 | 5.850 | * Projector * Cassette | - 39  - 39 | Các học phần  lý thuyết |
| Hội trường lớn  200-600 chỗ ngồi | 5 | 3.290 | Projector | - 5 | Các học phần  lý thuyết |
| 2 | **Phòng máy tính** | 18 | 3.835 | Máy vi tính | 856 | Các học phần có  sử dụng phòng máy |
| Phòng học 40 máy | 10 | 1.500 | Máy vi tính | 400 | Các học phần thực hành |
| Phòng học 60 máy | 4 | 1.000 | Máy vi tính | 240 | Các học phần có  sử dụng phòng máy |
| Phòng khác | 4 | 1.335 | Máy vi tính | 216 | Các học phần có  sử dụng phòng máy |
| 3 | **Phòng học ngoại ngữ** | 20 | 3.000 | * Projector * Cassette | - 35  - 20 | Các học phần  ngoại ngữ |

Ngoài ra, Trường cũng đã ký được thoả thuận hợp tác về hỗ trợ sinh viên thực hành, thực tập nghề nghiệp với rất nhiều doanh nghiệp phần mềm,… ở Hà Nội, là nơi thực hành, thực tập nghề nghiệp hữu ích cho sinh viên, bao gồm:

*(3) Thư viện, giáo trình, sách*

*\* Thư viện:*

- Tổng cộng diện tích: 2.514 m2, trong đó:

+ Diện tích phòng đọc: 2.257 m2

+ Số chỗ ngồi: 800

+ Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 50

- Mạng wifi dành riêng cho Thư viện: không hạn chế số lượng máy tính truy cập

- Phần mềm quản lý thư viện: Ilibrary do Công ty CMC cung cấp

Phần mềm thư viện của Trường Đại học Thương mại sử dụng cổng kết nối Z39.50 để tìm kiếm và sử dụng dữ liệu từ các thư viện thế giới như: Thư viện Quốc hội Mỹ, Thư viện Boston University, Columbia University... Riêng các thư viện trong nước như Thư viện quốc gia Việt Nam, Thư viện khoa học tổng hợp TP.HCM, và các thư viện đại học do không chia sẻ dữ liệu trên mạng nên phải vào trực tiếp trang web của các thư viện đó thì mới tra cứu được.

*\* Sách, giáo trình:*

- Hệ thống giáo trình sử dụng trong chương trình giảng dạy như sau:

+ Đối với các học phần Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng: Sử dụng hệ thống giáo trình theo quy định chung của Bộ.

+ Đối với các học phần đang giảng dạy trong các chương trình đào tạo khác của trường: Sử dụng hệ thống giáo trình đã xuất bản hoặc tập bài giảng sẵn có của các bộ môn.

+ Đối với các học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành mà Nhà trường chưa có giáo trình, Nhà trường sẽ sử dụng giáo trình hiện có của các trường đại học khác như: Trường Đạo học Công nghệ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng,…

- Tổng số lượng sách, giáo trình điện tử: 30.000 đầu sách và 150.000 bản, có khoảng 3.250 sách dành cho ngành Hệ thống thông tin quản lý.

***2.4.4. Tài liệu học tập***

***Bảng 4 Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tài liệu** | **Tác giả** | **Nhà xuất bản** | **Năm xuất bản** | **Sử dụng cho học phần** |
| 1 | Giáo trình An toàn dữ liệu trong TMĐT | Đàm Gia Mạnh | Thống kê | 2009 | An toàn bảo mật thông tin |
| 2 | Giáo trình Mạng máy tính và truyền thông | Đàm Gia Mạnh | Thống kê | 2010 | Mạng máy tính, Hệ thống thông tin quản lý |
| 3 | Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý | Đàm Gia Mạnh | Thống kê | 2017 | Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp, Phân tích thiết kế hệ thống |
| 4 | Hệ thống thông tin quản lý | Trần Thị Song Minh | ĐH KTQD | 2012 | Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp, |
| 5 | Management Information Systems -Managing the digital firm | Kenneth C. Laudon and Jane P.Laudon | Prentice Hall, 13thEdition | 2012, 2014, 2016 | Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp, Công nghệ phần mềm, Các phần mềm ứng dụng |
| 6 | Mạng máy tính và các hệ thống mở | Nguyễn Thúc Hải | NXB Giáo Dục | 1999 | Mạng máy tính và truyền thông, Thiết kế triển khai Website |
| 7 | Mạng Máy tính | Ngạc Văn An | NXB GD | 2005 | Mạng máy tính và truyền thông, Thiết kế triển khai Website |
| 8 | Computer Networks | Andrew S. Tanenbeau | 4th Edition, Prentice Hall | 2003 | Mạng máy tính và truyền thông |
| 9 | Data & Computer Communication | William Stallings | Prentice Hall | 2000. | Mạng máy tính và truyền thông, Thiết kế triển khai Website, An toàn bảo mật thông tin |
| 10 | Principles of Information Security | M.E. Whitman, H. J. Mattord | 20 Channel Center Boston, MA 02210 | 2012 | An toàn bảo mật thông tin, Mạng máy tính và truyền thông |
| 11 | Information Security | Mark Rhodes Ousley | Second Edition, The McGraw-Hill Companies, USA | 2013 | An toàn bảo mật thông tin, Hệ thống thông tin quản lý |
| 12 | Cryptography and Network Security Principles and Practices | William Stallings | Fifth Edition, Prentice Hall | 2011 | An toàn bảo mật thông tin, Mạng máy tính à truyền thông |
| 13 | Internet Security: Cryptographic principles, algorithms and protocols. | Man Young Rhee | John Wiley & Sons | 2003 | An toàn bảo mật thông tin, Mạng máy tính à truyền thông |
| 14 | Internet & World Wide Web: How to Program | Harvey & Paul | Deitel & Associates | 2010 | Thiết kế triển khai Website, Mạng máy tính à truyền thông |
| 15 | The Website Manager’s Handbook | Gerry McGovern | Shane Diffily | 2014 | Thiết kế triển khai Website, Đồ họa căn bản |
| 16 | Thiết kế Web bằng hình minh hoạ | Nguyễn Trường Sinh | NXB Minh Khai | 2007 | Thiết kế triển khai Website, Đồ họa căn bản |
| 17 | Xây dựng và triển khai ứng dụng TMĐT | Phạm Hữu Khang | NXB Thống kê | 2006 | Thiết kế triển khai Website, Phát triển hệ thống thông tin |
| 18 | Kỹ thuật đồ họa | Lê Tuấn Hùng, Huỳnh Quyết Thắng | NXB KH&KT, | 2005 | Thiết kế và triển khai Web |
| 19 | Managing Information System: Strategy and Organisation | Boddy Boonstra Kennedy | 3rd Edition, Prentice Hall | 2008 | Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quản lý |
| 20 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin | Nguyễn Văn Ba | NXB ĐHQG HN | 2009 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm |
| 21 | Phân tích và thiết kế các hệ thống thông tin hiện đại | Nguyễn Văn Vỵ | NXB Thống kê | 2002 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm |
| 22 | Phân tích thiết kế hướng đối tượng bằng UML | Đặng Văn Đức | NXB Giáo dục | 2002 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm |
| 23 | Systems analysis and design | Alan Dennis, Barbara Haley Wixom, Roberta M. Roth | 2012 . |  | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm, |
| 24 | Object Oriented Analysis and Design: Understanding System Development with UML 2.0, | Mike O’Doherty | John Wiley and Sons | 2005 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm |
| 25 | System Analysis, Design, and Development Concepts, Principles, and Practices | Charles S. Wasson | John Wiley and Sons | 2006. | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm |
| 26 | Phát triển hệ thống thông tin – Góc nhìn của người quản lý, | Ngô Trung Việt | NXB KH&KT, | 2011 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm |
| 27 | Information Systems Development: Challenges in Practice, Theory and Education | Chris Barry, Kieran Conboy, Michael Lang, Gregory Wojtkowski, Wita Wojtkowski | Volume 1, Springer, | 2014 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm, Phát triển hệ thống thông tin doanh nghiệp |
| 28 | Management Information Systems | Jaiswal and Mittal | Oxford University Press | 2010 | Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp |
| 29 | Cẩm nang quản lý mối quan hệ khách hàng, | [Huỳnh Minh Em](http://www.vinabook.com/tac-gia/huynh-minh-em-i12101) | NXB Tổng hợp TP.HCM, | 2010 | Hệ thống thông tin quản lý, Các phần mềm ứng dụng |
| 30 | Quản lý chuỗi cung ứng | [Nguyễn Công Bình](http://www.vinabook.com/tac-gia/nguyen-cong-binh-i5987) | NXB Thống kê | 2008 | Hệ thống thông tin quản lý, Các phần mềm ứng dụng |
| 31 | The business case for software applications in the enterprise | Iain Gillott | Prentice Hall | 2003 | Hệ thống thông tin quản lý, Các phần mềm ứng dụng |
| 32 | From training to learning in enterprise resource planning systems, | Kerr Don, Murray Peter, Burgess Kevin | [International Journal of Learning and Change](http://www.ingentaconnect.com/content/ind/ijlc;jsessionid=vais9offs1md.alice) | 2012 | Hệ thống thông tin quản lý, Các phần mềm ứng dụng, Phát triển hệ thống thông tin doanh nghiệp |
| 33 | Toán rời rạc | Đỗ Đức Giáo | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội | 2008 | Cơ sở lập trình cho tin học, Cơ sở lập trình |
| 34 | Lý thuyết đồ thị và ứng dụng | Đặng Huy Ruận | NXB KHKT | 2000 | Cơ sở lập trình |
| 35 | Toán học rời rạc ứng dụng trong Tin học | Kenneth H.Rosen | McGraw Hill | 1998 | Cơ sở lập trình cho tin học, Cơ sở lập trình |
| 36 | Discrete Mathematics and It’s Applications | Kenneth H. Rosen | 7th Edition McGraw Hill | 2012 | Cơ sở lập trình cho tin học, Cơ sở lập trình |
| 37 | Giáo trình hệ thống mạng máy tính CCNA | Nguyễn Hồng Sơn | NXB Lao động xã hội | 2007 | Mạng máy tính và truyền thông, Thiết kế triển khai Website |
| 38 | System Analysis, Design, and Development Concepts, Principles, and Practices | Charles S. Wasson |  | 2006 | Phân tích thiết kế hệ thống, Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ phần mềm |
| 39 | Giáo trình cơ sở lập trình | Nguyễn Thị Thu Thủy | NXB Thống kê | 2014 | Cơ sở lập trình |
| 40 | Kỹ Thuật lập trình C | Phạm Văn Ất | Nhà xuất bản giao thông vận tải | 1999 | Cơ sở lập trình |
| 41 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | Đỗ Xuân Lôi | NXB Thống kê | 2008 | Cấu trúc DL và GT |
| 42 | Giáo trình CSDL 1 | Nguyễn Thị Thu Thủy | NXB Thống kê | 2015 | Cơ sở dữ liệu |
| 43 | Nguyên lý của các hệ cơ sở dữ liệu | Nguyễn Kim Anh | Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội | 2008 | Cơ sở dữ liệu |
| 44 | Database Administration: The Complete Guide to DBA Practices and Procedures | Craig S. Mullins | Addison- Wesley publication | 2013 | Quản trị CSDL |

***2.4.5 Cơ chế, chính sách ưu tiên đào tạo nhân lực công nghệ thông tin***

Để đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường có một số cơ chế chính sách ưu tiên sau:

- Chương trình đào tạo sẽ được áp dụng cho hệ đào tạo đại học chính quy, song bằng và văn bằng 2.

- Giảng viên: Ký hợp đồng thỉnh giảng với giảng viên một số trường có uy tín về đào tạo nhân lực CNTT, HTTT. Ký hợp đồng thỉnh giảng với cán bộ thực tế tại doanh nghiệp, các cán bộ đang làm công tác quản lý tại các doanh nghiệp phần mềm. Trong đó, giảng viên các trường khác cùng với giảng viên của Khoa giảng dạy các học phần lý thuyết và thực hành căn bản. Cán bộ thực tế tại các doanh nghiệp đảm nhận giảng dạy các học phần thực hành, kiến tập, thực tập nghề nghiệp của ngành đào tạo.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ giảng dạy cho Khoa để nâng cao chất lượng giảng dạy bằng chính sách tuyển dụng các cán bộ có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực CNTT, HTTT.

- Hỗ trợ kinh phí, thời gian để khuyến khích các giảng viên trong Khoa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là kiến thức thực tế để chủ động hơn trong giảng dạy các HP thuộc chương trình đào tạo của ngành.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp để các doanh nghiệp hợp tác với Khoa trong hỗ trợ đào tạo.

- Chú trọng và nâng cao cơ sở vật chất, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng phòng máy phục vụ giảng dạy thực hành.

***2.4.6. Hợp tác liên kết với các doanh nghiệp***

Yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao đã và đang trở thành những đòi hỏi cấp bách đối với ngành giáo dục Việt Nam. Sự gắn kết hoạt động đào tạo của Nhà trường và các doanh nghiệp - như là một phần của cơ chế học tập suốt đời - là một quá trình tương tác không thể tách rời.

Hợp tác liên kết với các doanh nghiệp sẽ mang lại các lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Việc tham gia vào quá trình đào tạo như một hình thức đầu tư phát triển, sẽ giúp doanh nghiệp có thêm quyền và cơ hội lựa chọn các “sản phẩm” lao động chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu, giảm bớt thời gian và chi phí đào tạo lại. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng có thêm cơ hội quảng bá hình ảnh của mình với xã hội...

Về phía Nhà trường, sự hợp tác sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tạo “đầu ra” cho sinh viên và nhất là góp phần phát triển và trọng dụng nhân tài cho đất nước. Trong khi đó, đối với sinh viên, sự hợp tác sẽ cho phép họ tự điều chỉnh nhận thức, nâng cao động lực học tập và kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thực tiễn cuộc sống, tăng cơ hội tìm việc...

**2.5. Phương thức đào tạo**

***2.5.1. Hình thức tiến hành***

- Đối với các học phần do giảng viên của Nhà trường giảng dạy: sinh viên học tại trường; kết quả đánh giá theo quy định hiện hành của Nhà trường.

- Đối với các học phần do cán bộ thực tế của doanh nghiệp giảng dạy (tổ chức từ 20 đến 30 sinh viên/ 1 lớp học phần): sinh viên học tại doanh nghiệp; kết quả đánh giá theo Điểm Chuyên cần (10%), Điểm thành phần 1 (20%), Điểm thành phần 2 (30%), Điểm thi hết học phần (40%). Trong đó Điểm chuyên cần và Điểm thành phần do Doanh nghiệp đánh giá, Điểm thi hết HP theo quy định của Nhà trường. Mỗi lớp HP Khoa cử 1 Giảng viên theo dõi.

- Thực tập tại doanh nghiệp. Mỗi giảng viên trong Khoa được giao nhiệm vụ cùng với cán bộ thực tế của doanh nghiệp hướng dẫn, theo dõi sinh viên trong quá trình thực tập. Kết quả đánh giá thông qua báo cáo thực tập. Báo cáo được chấm bởi 1 giáo viên của khoa và 1 cán bộ thực tế của doanh nghiệp.

- Khóa luận tốt nghiệp: theo quy định hiện hành của Nhà trường.

***2.5.2. Điều kiện xét miễn các học phần***

Khuyến khích sinh viên có các chứng chỉ quốc tế về ngoại ngữ và tin học. Sinh viên đạt các chứng chỉ quốc tế sẽ được miễn các học phần tương ứng.

***Bảng 2.5 Hệ thống chứng chỉ tương đương các học phần***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hệ thống chứng chỉ** | | **Các học phần tương đương** |
| **1** | **CISCO** | **CCNA, CCNP** | Mạng máy tính và truyền thông |
| **CCDA, CCDP, CCIE** |
| **2** | **Microsoft** | **IC3** | Tin học đại cương, Tin học quản trị |
| **MOS Excel+ MOS Word** | Tin học đại cương, Tin học quản trị |
| **MCPD** | Thực hành phát triển ứng dụng web với ASP.NET |
| Thực hành hát triển ứng dụng với C# |
| **MCA, MCITP** | Quản trị CSDL |
| **3** | **Oracle** | **OCA** | Thực hành Quản trị CSDL |
| **OCP** |
| **Java SE** | Lập trình hướng đối tượng,  Thực hành lập trình hướng đối tượng |
| **Java EE** |
| **Java ME** |

*Một số học phần đặc thù tương ứng các chứng chỉ như sau:*

Cơ sở lập trình, Lập trình hướng đối tượng, Lập trình .NET: MCPD, MCITP

Mạng máy tính và truyền thông: MCSE, MCSA, CompTIA Network +

Đồ họa căn bản, đồ họa ứng dụng: CompTIA CDIA +, ACA

Quản trị cơ sở dữ liệu, Thực hành Quản trị cơ sở dữ liệu: MCTS

Phát triển hệ thống thông tin, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin : PMP, CompTIA Project+, CompTIA Server +

Lập trình Java: MCSD, CompTIA Mobility+, ACA, BCSE lập trình với Android, BCSE in PHP&MySql, BCSE lập trình ứng dụng web với java.

An toàn và bảo mật thông tin doanh nghiệp: CEH, CISM, CISSP, GSEC, hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

Ngoài ra, sinh viên đạt các chứng chỉ lập trình của các tổ chức trong nước được công nhận tại các tổ chức đào tạo có uy tín, tại các doanh nghiệp là đối tác của Khoa sẽ được Hội đồng khoa đề nghị Nhà trường xem xét miễn các học phần tương ứng.

**2.6. Phương thức hợp tác với doanh nghiệp**

***2.6.1. Danh sách các doanh nghiệp hợp tác***

Hợp tác giữa Khoa và doanh nghiệp là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển tại Trường đại học Thương mại, đặc biệt là trong thời điểm vấn đề đào tạo gắn liền với nhu cầu thị trường lao động đang trở nên ngày càng cấp thiết như hiện nay. Xác định được tầm quan trọng đó, Khoa Hệ thống thông tin kinh tế và Thương mại điện tử đã đẩy mạnh tăng cường sự gắn kết, tìm ra mô hình hợp tác toàn diện, thực hiện chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

Nhằm đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, nhằm mở rộng mối quan hệ với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, Thương mại điện tử, để sinh viên được tiếp cận kiến thức thực tế ngay từ năm thứ nhất, để định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực của mình, để chủ động được nơi kiến tập, thực tập cho sinh viên, tăng cơ hội việc làm cho sinh viên, Khoa hợp tác với các doanh nghiệp sau:

**Bảng 6 Danh sách các doanh nghiệp hợp tác với Khoa HTTTKT&TMĐT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **ĐƠN VỊ** | **ĐỊA CHỈ** | **NỘI DUNG HỢP TÁC** | **GHI CHÚ** |
| 1 | FPT SOFTWARE | Tầng 9, tòa nhà FPT Cầu Giấy số 17, Duy Tân, Cầu Giấy, HN | Thực tập, kiến tập, xây dựng chương trình, trao đổi học thuật, đào tạo giảng viên |  |
| 2 | IT PLUS | Tầng 2, Trung tâm đào tạo CNTT và Truyền thông, Số 1 Hoàng Đạo Thúy, Quận Thanh Xuân, Hà Nội | Xây dựng chương trình, trao đổi học thuật, đào tạo sinh viên tại công ty |  |
| 3 | CODEGYM | Tầng 11, Toà nhà MD Complex, 68 Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình, Hà Nội | Xây dựng chương trình, trao đổi học thuật, đào tạo sinh viên tại công ty |  |
| 4 | CYBERSOFT | Tòa Nhà Viện Công Nghệ, Số 25 Vũ Ngọc Phan, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội | Thực tập, kiến tập, xây dựng chương trình, cử cán bộ tham gia giảng dạy. |  |
| 5 | MELIASOFT | Tầng 7, Tòa nhà Intracom, Ngõ 92, Đường Trần Thái Tông, Cầu Giấy, TP. Hà Nội | Thực tập, kiến tập, tham gia hội thảo, trao đổi học thuật |  |
| 6 | NHẬT CƯỜNG SOFTWARE | Tòa nhà HITTC, Tầng 17, Số 185 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội | Thực tập, kiến tập, xây dựng chương trình, trao đổi học thuật, cử cán bộ đào tạo |  |
| 7 | IIG Việt Nam | Số 75 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, T.P Hà Nội | Xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, trao đổi học thuật, đào tạo giảng viên, sinh viên. |  |
| 8 | Cty CP công nghệ Maxbuy Việt Nam | Số 19, Lô 1C, Đường Trung Yên 11D, KĐT Trung Yên, Cầu Giấy, Hà Nội | Thực tập, kiến tập, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên |  |
| 9 | ASIASOFT | Số 6, Vũ Ngọc Phan, Q. Đống Đa, Hà Nội | Thực tập, kiến tập, xây dựng chương trình, trao đổi học thuật |  |
| 10 | GREENEFECT | Tầng 3, Số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy  Hà Nội | Thực tập, kiến tập, xây dựng chương trình |  |
| 11 | BRAVO | Tầng 3, tòa nhà 101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | Thực tập, kiến tập, xây dựng chương trình |  |
| 12 | NIIT | Tầng 3, tòa nhà 25T2-N05, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Nguyễn Thị Thập, Cầu Giấy, HN | Xây dựng chương trình, trao đổi học thuật, đào tạo sinh viên tại công ty |  |
| 13 | Công ty TNHH Tester Việt | Nhà 14 ngõ 28 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội | Xây dựng chương trình, trao đổi học thuật, đào tạo sinh viên tại công ty |  |
| 14 | Công ty cổ phần xuất khẩu phần mềm Tinh Vân | Tầng 4, Khách sạn Thể Thao, Làng Sinh viên Hacinco, Quận Thanh Xuân, Hà Nội | Thực tập, kiến tập, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên |  |
| 15 | Công ty TNHH Cung Tên Việt | Số 2, Lê Đức Thọ, Nam Từ Liêm, Hà Nội | Thực tập, kiến tập, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên |  |

***2.6.2. Nội dung hợp tác***

- *Thực tập, thăm quan, tìm hiểu doanh nghiệp*: Sinh viên hết năm thứ nhất được chia thành các nhóm đến thăm quan, tìm hiểu doanh nghiệp sản xuất, ứng dụng phần mềm đã ký thỏa thuận hợp tác với Khoa. Hoạt động này cho sinh viên cái nhìn cơ bản về kiến trúc doanh nghiệp, các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành Hệ thống thông tin quản lý, được các cán bộ quản lý tại doanh nghiệp giới thiệu trao đổi kinh nghiệm, trao đổi những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp. Qua đó giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc, các công việc mà mình có thể đảm nhận trong tương lai trước khi học chuyên ngành. Cũng qua hoạt động này sinh viên sẽ xác định được mình phù hợp với vị trí công việc nào để từ đó sẽ tập trung hơn kỹ năng cho công việc ấy trong quá trình học tập của những năm học tiếp theo.

- *Diễn đàn nghề nghiệp*: Các diễn giả là những cán bộ quản lý tại các bộ phận nghiệp vụ trong doanh nghiệp phần mềm (Phân tích hệ thống, Đảm bảo chất lượng phần mềm, Kiểm thử phần mềm, Lập trình ứng dụng, Triển khai hệ thống, …) sẽ trao đổi kinh nghiệm, trao đổi những kiến thức, kỹ năng cần có để có thể làm tốt công việc ở từng vị trí công tác. Qua đó giúp sinh viên định hướng được nghề nghiệp từ đó sẽ tập trung rèn luyện kỹ năng chuyên sâu cho công việc tương ứng.

- *Trao đổi học thuật, định hướng nghề nghiệp*: Định kỳ Doanh nghiệp cử cán bộ chuyên gia tham gia các buổi tọa đàm, hội thảo, hướng nghiệp cùng với giảng viên và sinh viên của Khoa. Hoạt động này giúp Khoa cải tiến nội dung giảng dạy các học phần phù hợp với thực tế, trao đổi các công nghệ mới, xu hướng mới trong lĩnh vực CNTT để các giảng viên trong nâng cao tri thức nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy gắn với thực tế.

- *Tổ chức đào tạo*: Doanh nghiệp cử cán bộ tham gia giảng dạy cùng với Nhà trường. Một số học phần được đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp được đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

- *Tham gia ngày hội việc làm*: Hàng năm Khoa tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên, các DN đã ký hợp tác toàn diện với Khoa được tham gia ngày hội việc làm để tìm kiếm nguồn nhân lực có chất lượng cho mình. Đóng góp của DN có thể là học bổng, khóa đào tạo kỹ năng miễn phí cho sinh viên. Qua ngày hội việc làm doanh nghiệp được phép ký hợp đồng bán thời bán thời gian đối với các sinh viên đáp ứng được yêu cầu.

- *Tiếp nhận sinh viên thực tập tốt nghiệp*: Các doanh nghiệp cam kết tiếp nhận sinh viên năm cuối, sau khi đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo sinh viên phải đi thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp. Quá trình thực tập sinh viên được đào tạo nghề nghiệp tại doanh nghiệp. Khoa bố trí 1 giảng viên của khoa phối hợp cùng với doanh nghiệp để hướng dẫn sinh viên.

- *Tiếp nhận sinh viên sau tốt nghiệp*: Trong quá trình thực tập nếu thể hiện được năng lực của mình, sinh viên có cơ hội được tiếp nhận làm việc chính thức tại doanh nghiệp. Khoa sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên về thủ tục, thời gian,….

- *Quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp*: Khoa tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đối tác giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp tới sinh viên, đăng tin tuyển dụng, tuyển chọn sinh viên giỏi tham gia khóa huấn luyện nghề nghiệp,…

Trên cơ sở các thỏa thuận hợp tác này giúp Khoa đảm bảo được việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, thực hành, thực tập, mời được các giảng viên, chuyên gia có kinh nghiệm thực tế tham gia giảng dạy. Mặt khác, doanh nghiệp cũng có cơ hội được tham gia vào quá trình định hướng nghề nghiệp, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngay từ trong quá trình đào tạo, từ đó đón đầu được những nhân tố xuất sắc từ khi sinh viên còn ngồi trên ghế Nhà trường.

**2.7. Các giải pháp đảm bảo việc làm cho sinh viên tốt nghiệp**

Để đảm bảo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp Hội đồng Khoa xác định cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

- Cải tiến chương trình đào tạo gắn với thực tiễn: Chương trình đạo tạo được xây dựng trên cơ sở góp ý của các chuyên gia đến từ các cơ sở đào tạo có uy tín trong lĩnh vực CNTT và từ các doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp cam kết với chương trình đạo tạo này họ sẽ tiếp nhận 100% sinh viên vào thử việc ngay khi tốt nghiệp.

- Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho sinh viên: Thông qua các buổi tọa đàm, trao đổi, tư vấn nghề nghiệp, thăm quan doanh nghiệp các giảng viên và cán bộ thực tế tại doanh nghiệp sẽ giúp sinh viên hiểu các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành Hệ thống thông tin quản lý, được các cán bộ quản lý tại doanh nghiệp giới thiệu trao đổi kinh nghiệm, trao đổi những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp. Từ đó sinh viên sẽ xác định được mình phù hợp với vị trí công việc nào để tập trung nâng cao kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc.

- Ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với các doanh nghiệp: Bằng các ký kết hợp tác doanh nghiệp trực tiếp giảng dạy một số học phần thực hành nghề nghiệp để nâng cao kỹ năng, tiếp nhận sinh viên kiến tập, thực tập. Tiếp nhận sinh viên vào thử việc, làm việc chính thức ngay sau khi tốt nghiệp.

- Tổ chức ngày hội việc làm: Đã nhiều năm qua Khoa phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên. Hoạt động này đã và đang mang lại hiệu qủa rất cao, hàng trăm sinh viên của khoa có việc làm khi chưa tốt nghiệp. Trong thời gian tới Khoa cùng với các đối tác sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động này giúp sinh viên có nhiều hơn nữa cơ hội việc làm phù hợp.

**2.8. Quy định về tuyển sinh**

- Đối tượng tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông quốc gia theo các tổ hợp bài thi / môn thi A00, A01, D01.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 150

- Thời gian tuyển sinh: sau ngày 15/8/2018

**2.9. Quy định về chuyển ngành đào tạo và chuyển trường**

Sinh viên đang học các ngành đào tạo của trường Đại học Thương mại, hoặc các trường khác có nhu cầu học ngành Hệ thống thông tin quản lý sẽ được xét miễn giảm các học phần đã tích lũy ở các chương trình khác đã học. Cụ thể như sau:

- Nhóm người học thuộc ngành phù hợp: Ngành Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, tùy theo tín chỉ đã tích lũy được xét công nhận học phần tương đương trong chương trình đào tạo.

- Nhóm người học thuộc ngành khác: Theo tín chỉ đã tích lũy được xét công nhận các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

- Đối với sinh viên học song bằng theo quy định hiện hành của Trường Đại học Thương mại.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày ... tháng 07 năm 2018*  **HIỆU TRƯỞNG**  **(Đã ký)**  **GS,TS Đinh Văn Sơn** |